

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ ÂM NHẠC - MỸ THUẬT

MÔN MỸ THUẬT LỚP 7
(Từ ngày 20/09/2021 đến 25/09/2021)

Bài 3: Thường thức mỹ thuật thời Trần
MỘT SỐ CÔNG TRÌNH MỸ THUẬT THỜI TRẦN
(1226 – 1400)

I. Kiến trúc

1. Tháp Bình Sơn (Vĩnh Phúc)

- Tháp Bình Sơn là 1 công trình kiến trúc bằng đất nung khá lớn dựng ở sân trước chùa Vĩnh Khánh. Tháp hiện còn 11 tầng, cao hơn 15 mét.
- Tháp có mặt bằng vuông, càng lên cao càng nhỏ dần.
- Ở bên ngoài các tầng tháp đều được trang trí bằng hoa văn rất phong phú.
- Với kĩ thuật khéo léo, chạm khắc công phu, tạo hình chắc chắn, chất liệu xây dựng bình dị, tháp Bình Sơn là niềm tự hào của kiến trúc cổ Việt Nam.

2. Khu lăng mộ An Sinh (Quảng Ninh)

- Đây là khu lăng mộ lớn của các vua Trần.
- Các lăng mộ đều được xây cất ở chân núi, cách nhau rất xa nhưng đều quy tụ về 1 hướng là khu đền An Sinh.

II. Điêu khắc

1. Tượng Hổ ở lăng Trần Thủ Độ (Thái Bình)

- Tượng Hổ với kích thước gần như thật (dài 1m43, cao 0m75, rộng 0m64) có hình khối đơn giản, dứt khoát, cấu trúc chặt chẽ.
- Nghệ nhân xưa đã diễn tả được vẻ oai phong凛冽 của vị chúa sơn lâm.

2. Chạm khắc gỗ ở chùa Thái Lạc (Hưng Yên)

- Nội dung chủ yếu của các bức chạm khắc này là cảnh dâng hoa, tấu nhạc của những vũ nữ.

Mọi thắc mắc quý PHHS và HS liên hệ: GVBM Bùi Hoàng Phương: 0383871263

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ NGŨ VĂN

MÔN NGŨ VĂN KHỐI 7

(Từ ngày 20/09/2021-25/09/2021)

TUẦN 3 - Tiết 9 :

Văn bản :

NHỮNG CÂU HÁT VỀ TÌNH YÊU QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC, CON NGƯỜI

I. Đọc - hiểu chú thích.

- Ca dao về tình yêu quê hương, đất nước, con người là một trong những chủ đề góp phần thể hiện đời sống tâm hồn, tình cảm của người Việt Nam.
- Hình thức diễn đạt: thơ lục bát là chủ yếu, đối đáp, gọi mời.
- PTBD: biểu cảm

II. Đọc- hiểu văn bản.

1. Bài ca dao số 1

- Hình thức đối đáp → phổ biến trong ca dao , dân ca.
 - + Phần đầu: Lời hỏi
 - + Phần sau: Lời đáp
- Địa danh: Thành Hà Nội, sông Lục Đầu, sông Thương, Núi Tản, đền Sòng, tỉnh Lạng.
- > gắn với mỗi địa phương, là nơi nổi tiếng về đặc điểm tự nhiên, lịch sử văn hóa ở Bắc Bộ.
- => Nhằm thử tài hiểu biết, trí thông minh, chia sẻ, bày tỏ tình cảm và bộc lộ lòng yêu quý, niềm tự hào, tình yêu đối với quê hương đất nước.

2. Bài ca dao số 4

* **Hai câu đầu:** tả cảnh.

- Từ gọi tả.
- Phép đối, điệp ngữ, đảo ngữ
- Không gian rộng lớn, mênh mông, trù phú, đầy sức sống của cánh đồng lúa.

* **Hai câu cuối:** tả cô gái

- Từ ngữ, hình ảnh so sánh đặc sắc, gọi tả.
- > Gọi vẻ đẹp trẻ trung, phơi phới, căng tràn sức sống của cô thôn nữ.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật

- Thể thơ lục bát, lục bát biến thể
- Từ ngữ, hình ảnh đặc sắc, giọng điệu tha thiết, tự hào, giàu tính gọi tả.

- Cấu tứ đa dạng, độc đáo.
- Biện pháp tu từ: so sánh điệp từ, liệt kê,...

2. Nội dung

- Cảnh sắc, vẻ đẹp của quê hương, đất nước, con người.
- Tình yêu, lòng tự hào của nhân dân ta.

3. Ghi nhớ (SGK - 40)

Tiết 10:

Tiếng việt :

TỪ GHÉP

I/ Các loại từ ghép

Ví dụ: Bài 1 (SGK/ T13)

- Bà ngoại:
- +Tiếng chính : bà
- +Tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính: ngoại
- Thơm phức:
- + Tiếng chính: thơm
- +Tiếng phụ: phức
- Tiếng phụ bổ sung nghĩa cho tiếng chính.
- Tiếng chính đứng trước tiếng phụ đứng sau
- > Từ ghép chính phụ.

Bài 2 (SGK – T14)

- Quần áo: Không phân tiếng chính tiếng phụ
- Trầm bổng: Các tiếng quan hệ bình đẳng
- => Từ ghép đẳng lập.

***Ghi nhớ 1 (SGK - T14)**

- Bài tập ứng dụng: BT1 (SGK – T11)

+ Từ ghép chính phụ : Lâu đời, xanh ngắt, nhà máy, nhà ăn, cây cỏ.

+ Từ ghép đẳng lập : Suy nghĩ, chải lưới, ẩm ướt, đầu đuôi.

II. Nghĩa của từ ghép

1. Nghĩa của từ ghép chính phụ:

a. Bài tập

- Bà ngoại:

+ Bà: Người đàn bà sinh ra cha và mẹ

+ Bà ngoại: người đàn bà sinh ra mẹ nghĩa của tiếng chính bị phân thành những lớp nhỏ nghĩa của từ “bà ngoại” hẹp hơn nghĩa của tiếng chính “bà”

- Thơm phức:

+ Thơm: Có mùi như hương của hoa, dễ chịu khiến người ta thích ngửi.

+ Thơm phức: Có mùi thơm bốc lên mạnh, hấp dẫn.

=> Nghĩa của từ thơm phức, hẹp hơn nghĩa của từ nghĩa của từ thơm

Tiếng chính “thơm”: Bị phân nghĩa.

b. Kết luận:

ý 1. Ghi nhớ 2 (SGK – T 14)

2. Nghĩa của từ ghép đẳng lập:

a. Bài tập 2: SGK T 14

- Quần áo:

+ Quần áo: đồ mặc nói chung

+ Quần: Đồ mặc từ thắt lưng trở xuống, có 2 ống che chân và đùi

+ áo: Đồ mặc từ cổ trở xuống, chủ yếu che lưng, ngực, bụng

=> Nghĩa của từ: “quần áo”khái quát hơn của từng tiếng quần / áo (hợp nghĩa)

- Trầm bổng: âm thanh lúc thấp lúc cao.

+ Trầm: âm thanh thấp

+ Bổng : âm thanh cao

=> Nghĩa của từ trầm bổng khái quát hơn nghĩa của tiếng trầm, bổng (hợp nghĩa)

b. Kết luận.

- ý 2- ghi nhớ 2 SGK T 14

III. Luyện tập

Bài 2: Tạo từ ghép chính phụ;

+ Bút:

VD: bút bi...

+ Thước:

VD: thước gỗ.....

+ Mưa:

VD: rào...

+ ăn:

VD: cơm

+ Làm:

VD: nhà...

+ Trắng:

VD: xóa....

+ Vui:

VD: tai...

+ Nhát:

VD: gan...

Bài 3: Tạo từ ghép đẳng lập

+Núi:

VD: Sông...

+ Mát:

VD: mũi...

+ Xinh:

VD: đẹp...

+ Ham:

Vd: mê...

+ Học:

VD: hỏi...

+ Tươi :

VD: vui...

(Học sinh làm bài bài tập 2,3)

.....

Tiết 11:

Tập làm văn:

QUÁ TRÌNH TẠO LẬP VĂN BẢN

I. Các bước tạo lập văn bản

*** Xét ví dụ SGK**

- Khi có nhu cầu giao tiếp

-> tạo lập văn bản (nói - viết)

* Để làm nên một văn bản, người tạo lập văn bản cần phải lần lượt thực hiện các bước :

Bước 1: Định hướng văn bản

- Viết cho ai?

- Viết để làm gì?

- Viết về cái gì?
- Viết như thế nào?

Bước 2:

Tìm ý và lập dàn ý.

- Tìm ý: đặt câu hỏi và trả lời.
- Dàn ý: đại cương, chi tiết. (3 phần).
- > Tạo ra bố cục rõ ràng, mạch lạc, hợp lí.

Bước 3: viết bài hoàn chỉnh : diễn đạt các ý đã ghi trong bố cục thành những câu , đoạn văn chính xác, trong sáng, mạch lạc, liên kết chặt chẽ.

Bước 4: Kiểm tra văn bản

- Dựa vào các yêu cầu đã nêu.
- Sửa chữa (nếu có lỗi ...)

* **Ghi nhớ:** SGK/46

II. Luyện tập

Bài tập 1 (T46 về nhà làm)

Bài tập 2 (tr 46)

- Bạn đã định hướng văn bản sai:

+ Viết cho ai? (Chưa xác định được đối tượng nghe báo cáo là các bạn

HS chứ không phải là thầy cô → xưng hô chưa phù hợp)

+ Chưa xác định được viết cái gì? (nội dung viết)

(Nội dung cần viết: Báo cáo kinh nghiệm học tập, lại viết học thế nào và thành tích học tập).

- Điều chỉnh:

+ Cách xưng hô phù hợp với đối tượng là HS (tôi - các bạn).

+ Nội dung báo cáo: Kinh nghiệm học tập: Từ thực tế học tập -> rút ra những kinh nghiệm.

Bài tập 3 (tr 47)

a. Dàn bài không bắt buộc phải viết thành những câu trọn vẹn đúng ngữ pháp và các câu không nhất thiết phải liên kết chặt chẽ.

Vì : - Dàn bài chỉ là ý cơ bản, là cái "**sườn**" để tạo lập văn bản.

- Nếu viết thành những câu trọn vẹn, đúng ngữ pháp, liên kết → mất thời gian tập trung cho bước tạo lập văn bản.

b. Để phân biệt được các mục lớn, nhỏ trong dàn bài

- Sau mỗi phần mỗi mục, mỗi ý lớn, ý nhỏ, phải xuống dòng.

- Mỗi phần, mỗi mục phải được kí hiệu rõ ràng, theo thứ tự lớn , nhỏ.

VD: Phần lớn nhất: Kí hiệu số la mã

- Các ý nhỏ hơn lần lượt kí hiệu là chữ số thường, chữ cái thường, hoa thị, gạch ngang đầu dòng...

- Các phần các mục ngang nhau phải viết thẳng hàng; dùng kí hiệu tương đương; ý nhỏ hơn viết lùi vào so với ý lớn hơn.

Bài tập 4 (tr 47):

1. Định hướng văn bản:

- Đối tượng viết thư: Bố.
- Mục đích viết thư: Để bố hiểu, tha thứ.
- ND viết: Nỗi ân hận đã trót nói lời thiếu lễ độ với mẹ.

- Cách viết: + Thư (kể + biểu cảm)
+ Hồi tưởng - Hiện tại.

2. Tìm ý, lập dàn ý:

- HS xác định lại bố cục của một bức thư.
- Chọn, ngôi kể: Xưng hô, con.
- Yêu cầu HS lập dàn ý - chú ý trình bày theo sơ đồ.

a. Mở bài:

- Nêu lý do viết thư

b. Thân bài:

- Nỗi ân hận của En- ri- cô sau khi đọc thư bố
- Hồi tưởng lại thái độ của mình đối với mẹ
- Tự đánh giá, bộc lộ thái độ, tình cảm về mình, về công lao của mẹ, về lời dạy bảo của bố.
- Lời xin lỗi - Lời hứa - Cầu xin tha thứ

c. Kết bài : Cuối thư : Lời chúc - bài học thấm thía

3. Tạo lập văn bản

- Viết phần mở bài , ý 1(2) trong phần thân bài, phần kết bài.

4. Kiểm tra văn bản

Tiết 12:

Tập làm văn:

LUYỆN TẬP TẠO LẬP VĂN BẢN

I. Chuẩn bị

Đề bài:

Viết thư cho một người bạn để người bạn hiểu về đất nước mình.

Bước 1: Định hướng văn bản

- Đối tượng tiếp nhận văn bản: một người bạn ở nước ngoài .
- Mục đích ở văn bản: Giới thiệu để bạn hiểu hơn về đất nước mình.
- Nội dung viết:
 - + Truyền thống lịch sử, phong tục tập quán, nét đặc sắc về văn hoá; cảnh đẹp thiên nhiên
- Cách viết:
 - + Hình thức: một bức thư
 - + Phương thức biểu đạt : Biểu cảm + tự sự + miêu tả + thuyết minh.

Bước 2: Tìm ý, lập dàn ý

a. Đầu thư:

- Địa điểm ...ngày tháng... năm ...
- Chọn cách xưng hô phù hợp
- Nêu lí do viết thư.

b. Nội dung thư :

- Lời hỏi thăm về bạn, đất nước bạn.
- Giới thiệu với bạn về cảnh đẹp đất nước mình:
- + Đó là những cảnh đẹp nào? (Hạ Long) ở đâu? (Quảng Ninh)
- + Những cảnh đẹp đó có những nét đặc sắc nào?
- + Giá trị của những cảnh đẹp đó?
- Kết hợp: miêu tả + biểu cảm

c. Cuối bức thư :

- Gửi lời chào, lời chúc, lời hứa.
- Gợi lí do để bạn nhớ đến nước mình. Mời bạn đến thăm nước mình.

Bước 3: Tạo lập văn bản

- Viết phần đầu thư
- Viết phần chính bức thư
- Viết phần cuối bức thư

Bước 4: Kiểm tra

II. Thực hành tạo lập văn bản:

- Học sinh tự làm, tham gia viết đoạn xây dựng bài viết.

.....

Cô Nhung: 0937275455

Cô Phan Thủy: 0977345871

Cô My: 0985738889

Cô Tiên: 0916354818

Cô Bảo Ngọc: 0917107355

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ: THỂ DỤC

MÔN THỂ DỤC KHỐI 7 – TUẦN 3

(Từ 20/9/2021 đến 25/9/2021)

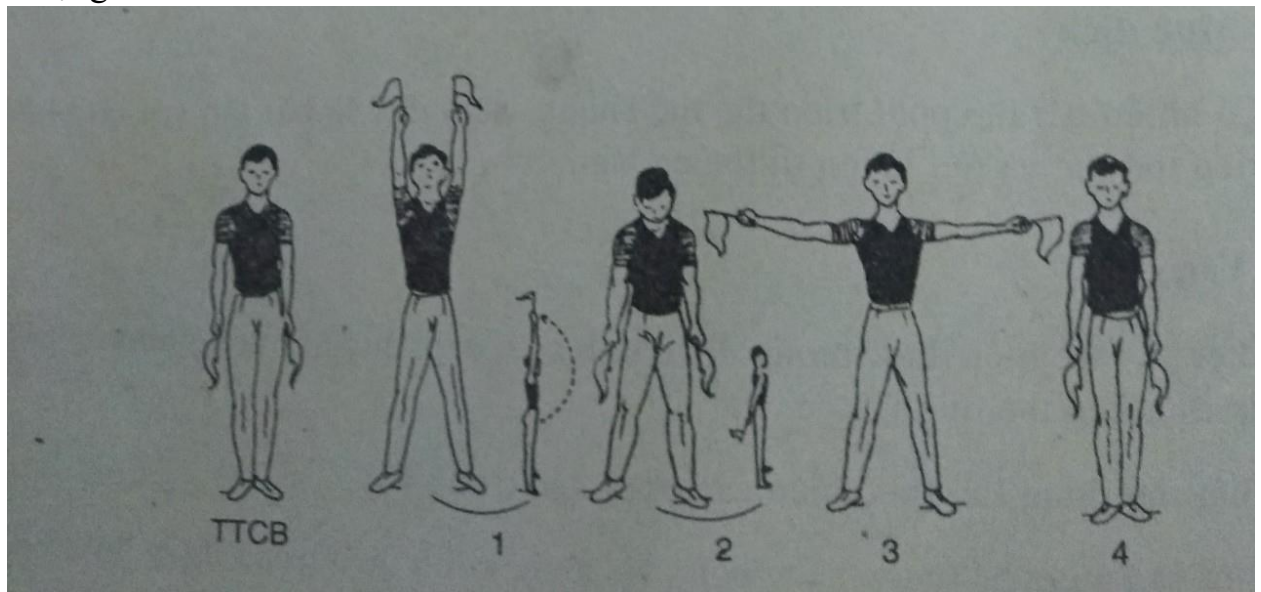
Nội dung: Ôn Bài thể dục phát triển chung với cờ 3 động tác (Vươn thở, Tay, Chân).

Học mới: Động tác (Lườn, Bụng, Phối hợp).

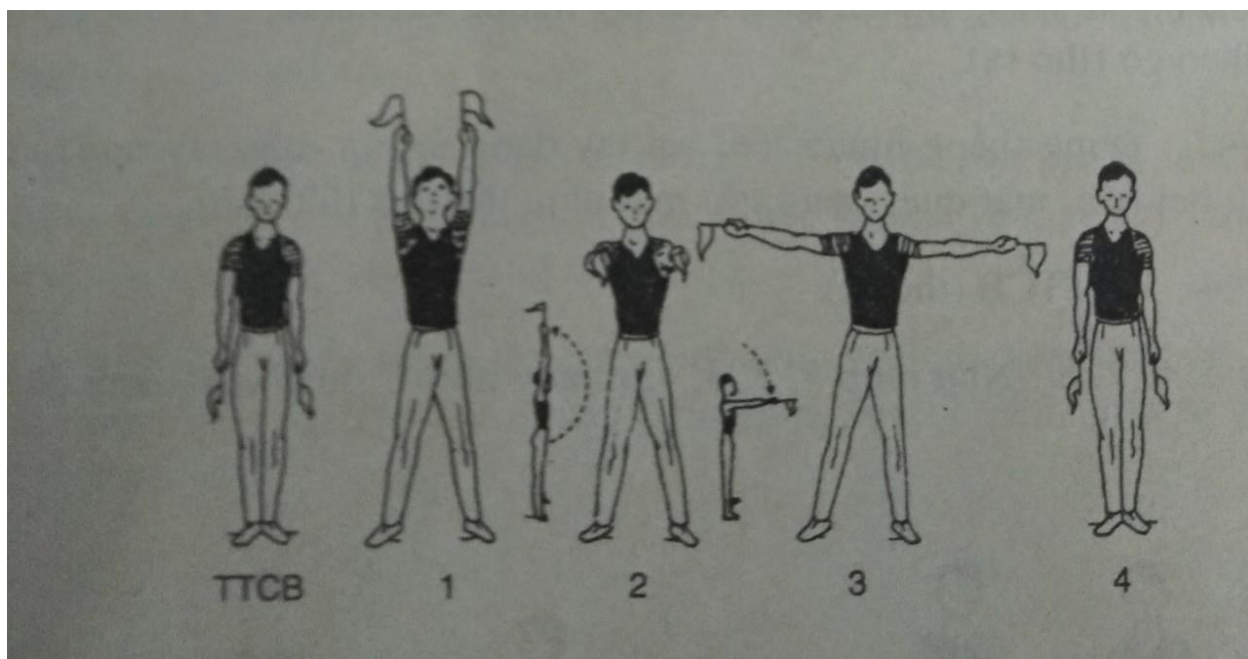
A. Ôn tập: Bài thể dục phát triển chung với cờ:

1. Kiểm tra bài cũ: Học sinh thực hiện lại các động tác đã học ở tiết trước của bài thể dục (Vươn thở, Tay, Chân) – Nhận xét đánh giá.

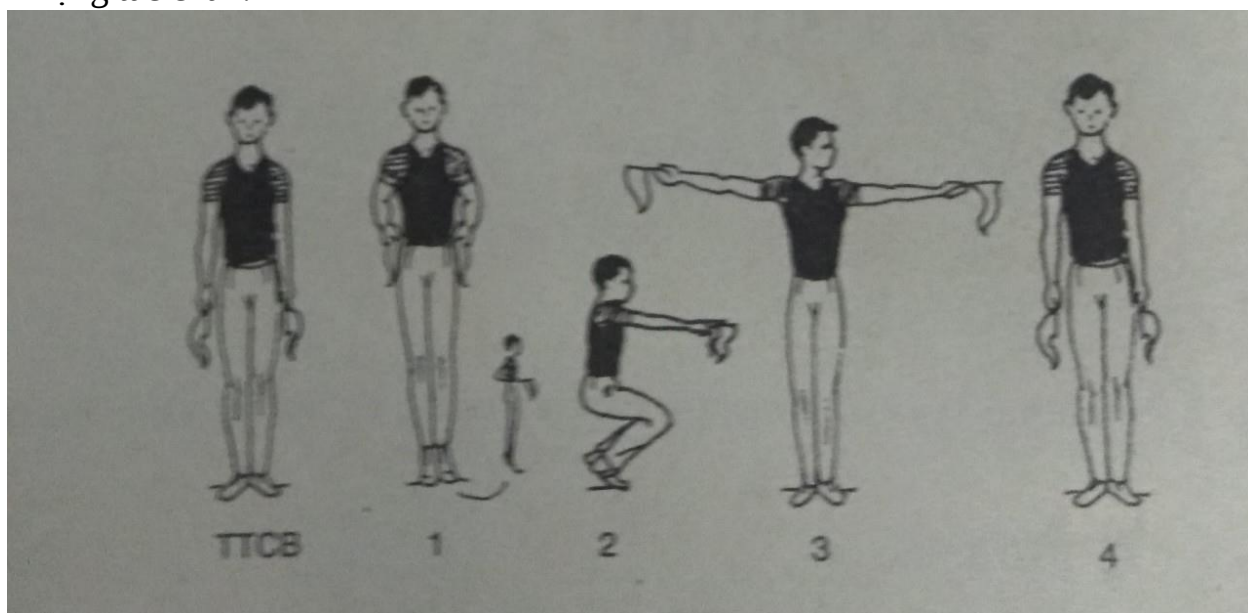
*Động tác vươn thở:



*Động tác tay:



*Động tác chân:



2. Khởi động: Thực hiện một số động tác xoay các khớp – căng cơ – ép dẻo.
(Xem clip mẫu – học sinh thực hiện làm theo).

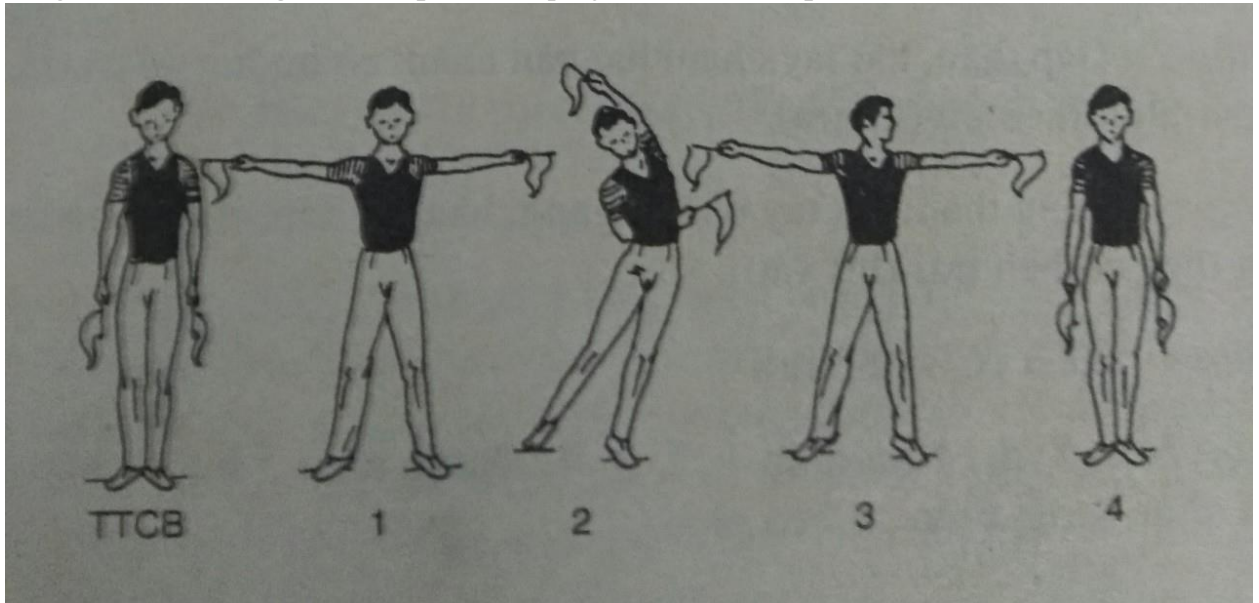
3. Ôn lại 3 động tác (Vươn thở, Tay, Chân) – cả lớp (2 lần).

B. Học mới: Bài thể dục phát triển chung với cờ lớp 7 (3 động tác: Lườn, Bụng, Phối hợp):

(Xem clip mẫu – Giáo viên hướng dẫn học sinh thực hiện làm theo).

+ **Động tác Lườn:**

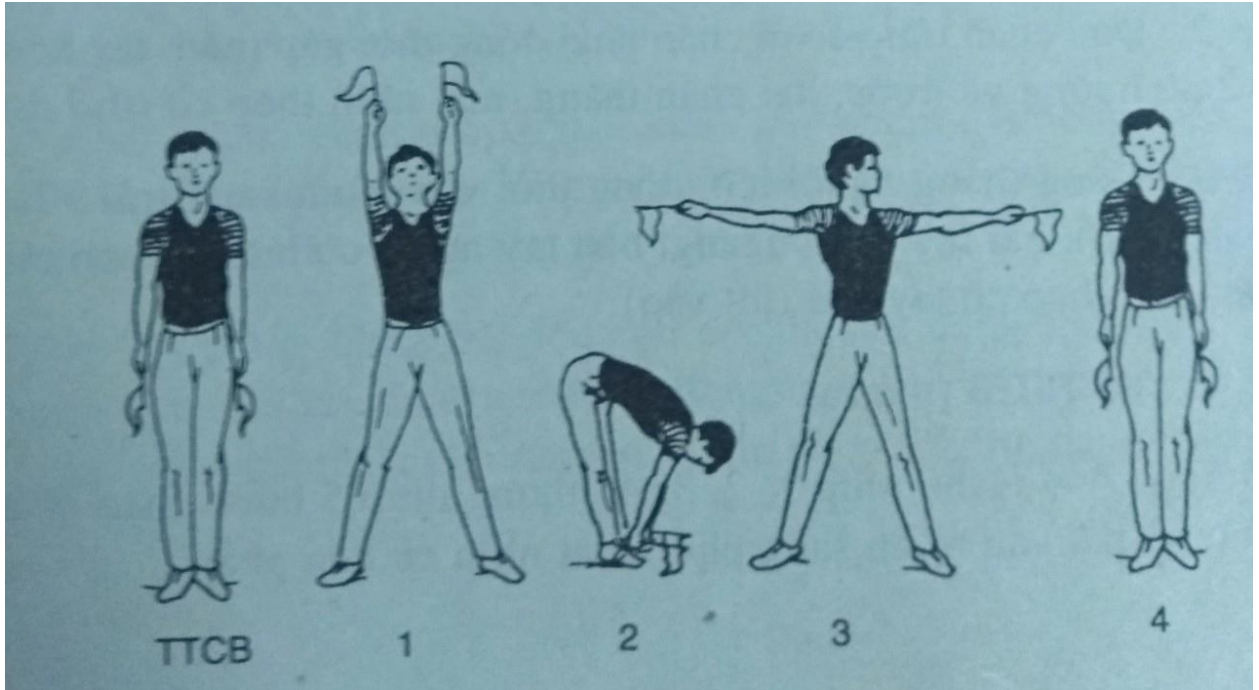
- **TTCB:** Tư thế đứng nghiêm, 2 tay cầm cờ hướng xuống đất.
- **Nhịp 1:** Bước chân trái sang ngang rộng bằng hoặc hơn một chút, đồng thời hai tay dang ngang lòng bàn tay hướng trước, cờ hướng sang hai bên, mắt hướng trước (Hít vào).
- **Nhịp 2:** Dồn trọng tâm vào chân trái, mũi bàn chân phải chạm đất, đồng thời nghiêng lườn sang phải, tay trái duỗi thẳng áp nhẹ vào tai, tay phải co căng tay phía sau lưng, cờ hướng sang trái (Thở ra).
- **Nhịp 3:** Chuyển trọng tâm về đứng đều trên hai chân, thân người thẳng, hai tay dang ngang, bàn tay ngửa, cờ hướng sang hai bên, mắt nhìn theo cờ bên trái (Hít vào).
- **Nhịp 4:** Về TTCB (Thở ra).
- **Nhịp 5,6,7,8:** Như nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 bước chân phải sang ngang, nhịp 6 nghiêng lườn sang trái, nhịp 7 mặt quay nhìn cờ bên phải.



+ **Động tác Bụng:**

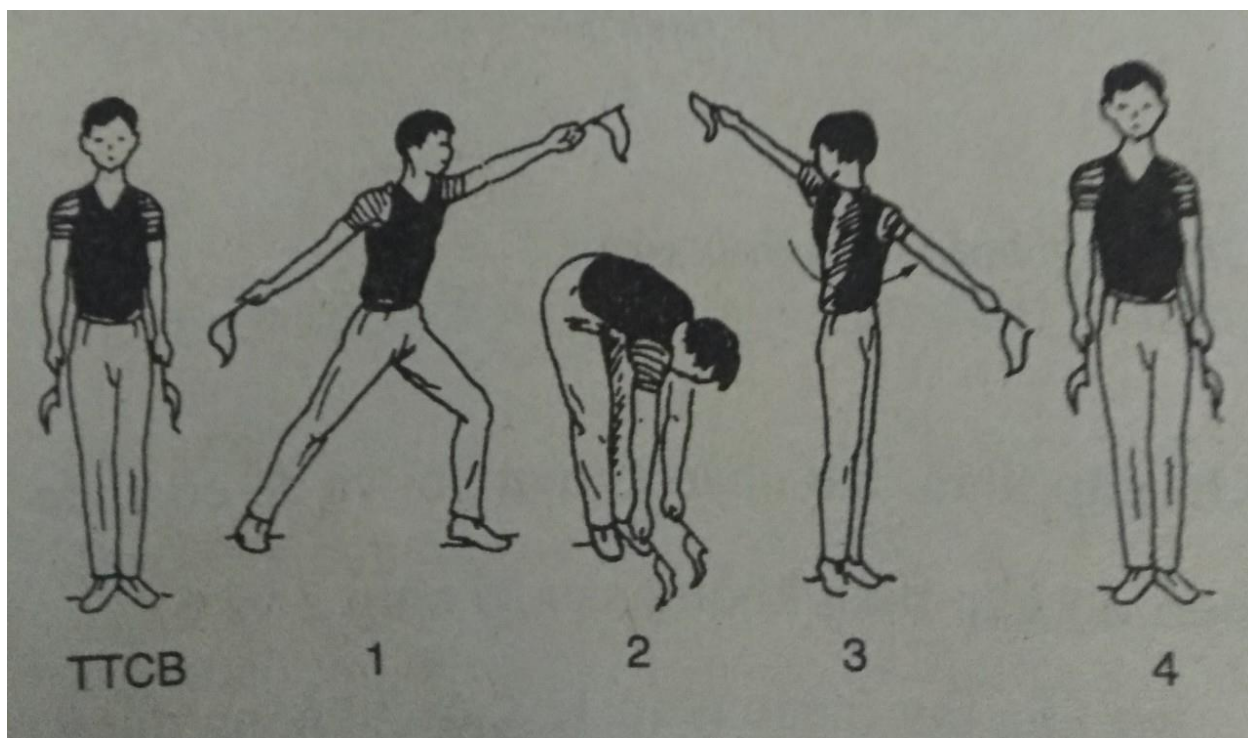
- **TTCB:** Như trên.
- **Nhịp 1:** Bước chân trái sang ngang 1 bước rộng hơn vai đồng thời đưa hai tay và cờ ra trước lên cao song song, lòng bàn tay hướng vào nhau, mặt ngửa, mắt nhìn theo cờ (Hít vào).
- **Nhịp 2:** Gập thân, hai tay chạm hai bàn chân, cờ hướng trước, hai chân thẳng, mắt nhìn theo cờ (Thở ra).
- **Nhịp 3:** Nâng thân, hai tay dang ngang, bàn tay sấp, cờ hướng sang 2 bên mắt nhìn theo cờ bên trái (Hít vào).
- **Nhịp 4:** Về TTCB (thở ra).

- **Nhịp 5,6,7,8:** Như nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 bước chân phải sang ngang và nhịp 7 mắt nhìn cờ bên phải.



+ **Động tác Phối hợp:**

- **TTCB:** Như trên.
- **Nhịp 1:** Bước chân trái ra trước một bước chéo 45^0 (theo chiều mũi chân) sau đó khụy gối, chân sau thẳng, tay trái đưa ra trước (theo hướng bàn chân) chéo lên cao, tay phải đưa ra sau chéo xuống dưới tạo với cánh tay trước như một cánh tay đòn. Hai bàn chân chạm đất bằng cả bàn chân, trọng tâm dồn nhiều vào chân trước, cờ hướng theo chiều của hai tay, thân trên hơi ngã về trước, mắt nhìn theo cờ tay trái (Hít vào).
- **Nhịp 2:** Đưa chân trái về với chân phải đồng thời gập thân, tay hướng vào bàn chân, hai cờ hướng về trước, hai chân thẳng, mắt nhìn theo cờ (Thở ra).
- **Nhịp 3:** Đứng thẳng người lên, đồng thời vặn mình sang trái 90^0 (Không xoay hai bàn chân), hai tay dang ngang, bàn tay ngửa, cờ hướng theo chiều của hai tay, mắt nhìn theo cờ tay trái (Hít vào). **Nhịp 4:** Về TTCB (Thở ra).
- **Nhịp 5,6,7,8** như nhịp 1,2,3,4 nhưng nhịp 5 chân phải bước chéo về trước 45^0 và ở nhịp 7 vặn mình sang phải, mắt nhìn theo cờ bên phải.



- Sau khi thực hiện xong 3 động tác mới thì học sinh tập luyện lại từ động tác 1 đến 6 (1 lần) – thực hiện theo clip mẫu.

❖ *Lưu ý: Các em tập luyện thường xuyên tại nhà để nắm vững và nhớ động tác 1 cách chính xác.*

HẾT

MÔN CÔNG NGHỆ 7
GV: TRƯƠNG THỊ BÍCH HIỀN – ĐT 0908902771
Tuần 3 từ 20/9 đến 25/9

TIẾT 3 BÀI 3: MỘT SỐ TÍNH CHẤT CHÍNH CỦA ĐẤT TRỒNG

I/ THÀNH PHẦN CƠ GIỚI CỦA ĐẤT LÀ GÌ

- Là tỉ lệ (%) của các hạt cát, limon, sét quyết định thành phần cơ giới của đất
- Người ta chia đất làm 3 loại chính: đất cát, đất thịt, đất sét

II/ ĐỘ CHUA, ĐỘ KIỀM CỦA ĐẤT

- Độ chua, độ kiềm của đất được đo bằng độ pH
- Căn cứ vào trị số pH người ta chia đất làm 3 loại:
 - + Đất chua: $pH < 6,5$
 - + Đất trung tính: $pH = 6,6-7,5$
 - + Đất kiềm: $pH > 7,5$

III/ KHẢ NĂNG GIỮ NƯỚC VÀ CHẤT DINH DƯỠNG CỦA ĐẤT:

- Là nhờ các hạt cát, limon, sét và chất mùn.

IV/ ĐỘ PHÌ NHIÊU CỦA ĐẤT LÀ GÌ

- Là khả năng của đất có thể cho cây trồng có năng suất cao.
 - Tuy nhiên muốn có năng suất cao phải có đủ các điều kiện: Đất phì nhiêu, thời tiết thuận lợi, giống tốt và chăm sóc tốt.
-

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ ĐỊA

MÔN ĐỊA LÝ KHỐI 7
(Từ ngày 20/09/2021 đến ngày 25/09/2021)

PHẦN HAI: CÁC MÔI TRƯỜNG ĐỊA LÍ

CHƯƠNG I: MÔI TRƯỜNG ĐỚI NÓNG. HOẠT ĐỘNG KINH TẾ CỦA CON NGƯỜI Ở ĐỚI NÓNG

Bài 5: ĐỚI NÓNG. MÔI TRƯỜNG XÍCH ĐẠO ẤM

A. LÝ THUYẾT

I. Đới nóng

1. Vị trí

Khu vực trải dài giữa hai chí tuyến thành một vành đai liên tục bao quanh trái đất khoảng từ vĩ độ 30°B $\rightarrow$ 30°N .

2. Các kiểu khí hậu

- Môi trường xích đạo ẩm
- Môi trường nhiệt đới
- Môi trường nhiệt đới gió mùa
- Môi trường hoang mạc

II. Môi trường xích đạo ẩm

1. Vị trí: khoảng từ 5°B đến 5°N

2. Khí hậu

- Nóng, ẩm, biên độ nhiệt trong năm nhỏ, biên độ giữa ngày và đêm lớn.
- Mưa nhiều, mưa quanh năm.

3. Cảnh quan

- Là rừng rậm xanh quanh năm.
- Rừng có nhiều loại cây mọc thành nhiều tầng rậm rạp, có nhiều loại thú sinh sống.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Tại sao đới nóng trở thành nơi tập trung đông dân cư và chủ yếu các nước đang phát triển trên thế giới?

D. DẶN DÒ

Học thuộc bài 5.

Bài 6: MÔI TRƯỜNG NHIỆT ĐỚI

A. LÝ THUYẾT

I. Vị trí: khoảng vĩ độ từ 5°B và 5°N ở mỗi bán cầu về 2 đường chí tuyến .

II. Khí hậu

- Nóng quanh năm, lượng mưa tập trung vào một mùa.
- Càng gần chí tuyến thì thời kì khô hạn càng kéo dài và biên độ nhiệt trong năm càng lớn.

III. Đặc điểm môi trường nhiệt đới

- Cảnh quan: rừng thay đổi từ rừng thưa sang đồng cỏ cao (xa- van) và cuối cùng là bán hoang mạc. Động vật ở đây khá phong phú gồm nhiều loài.
- Đất feralit đỏ vàng của miền nhiệt đới dễ bị xói mòn, rửa trôi nếu không được cây cối che phủ, canh tác không hợp lí.
- Sông ngòi nhiệt đới có 2 mùa nước: mùa lũ và mùa cạn.
- Vùng nhiệt đới có thể trồng được nhiều loại cây lương thực và cây công nghiệp. Đây là một trong những khu vực đông dân của thế giới.

B. VÍ DỤ

C. BÀI TẬP ÁP DỤNG

Trả lời câu hỏi số 4 ở phần câu hỏi và bài tập SGK trang 22

D. DẶN DÒ

Học thuộc phần 1+2

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

GVBM: Nguyễn Thị Thắng

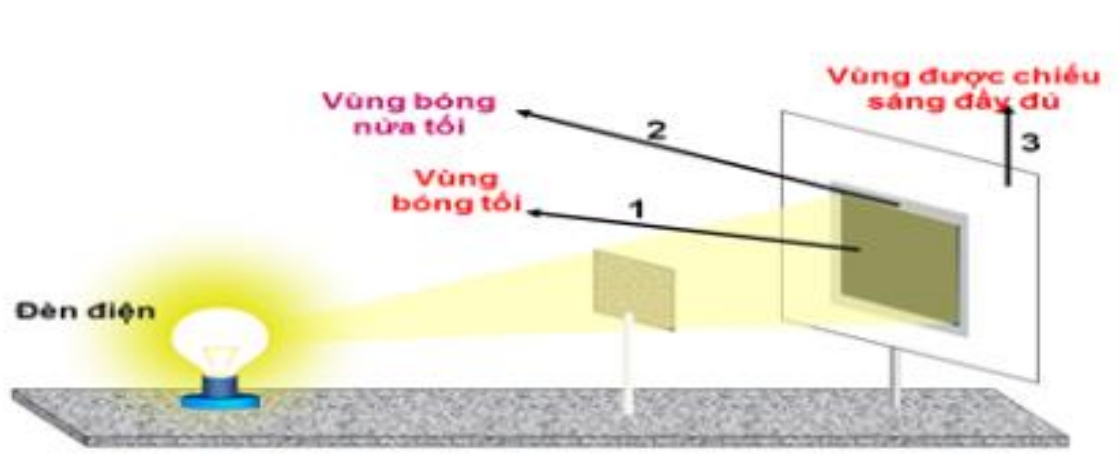
-SĐT: 0962253101

CHỦ ĐỀ 3: ỨNG DỤNG ĐỊNH LUẬT TRUYỀN THẲNG CỦA ÁNH SÁNG

A. LÝ THUYẾT

I – BÓNG TỐI – BÓNG NỬA TỐI

1. Bóng tối



Nhận xét:

+ Khi một nguồn sáng nhỏ chiếu tới miếng bìa, trên màn chắn sẽ có 2 vùng: vùng sáng và vùng tối.

+ Khi một nguồn sáng lớn chiếu tới miếng bìa, trên màn chắn sẽ có 3 vùng:

1. Vùng ở giữa màn chắn là vùng bóng tối.
2. Vùng xen giữa là vùng bóng nửa tối.
3. Vùng ngoài cùng là vùng sáng.

Kết luận:

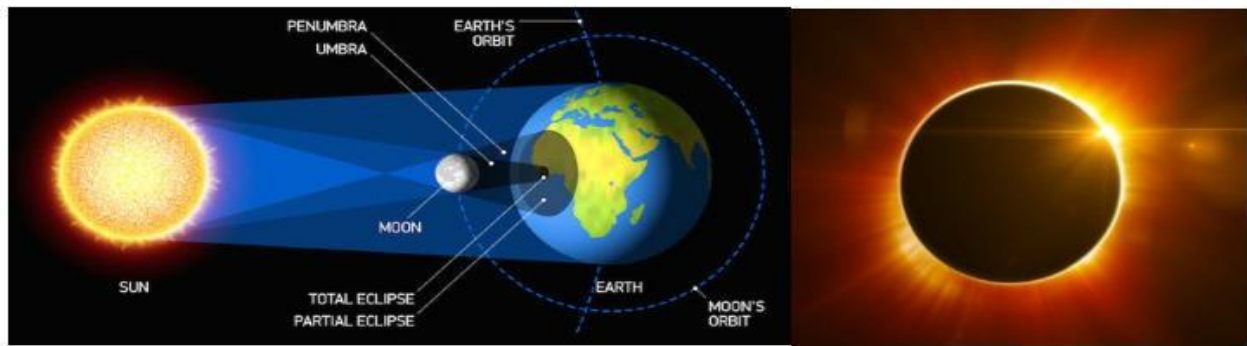
- Vùng phía sau vật cản không nhận được ánh sáng từ nguồn sáng truyền tới gọi là bóng tối.

2. Bóng nửa tối

Kết luận: - Vùng phía sau vật cản chỉ nhận được ánh sáng từ một phần của nguồn sáng truyền tới được gọi là bóng nửa tối.

II – NHẬT THỰC – NGUYỆT THỰC

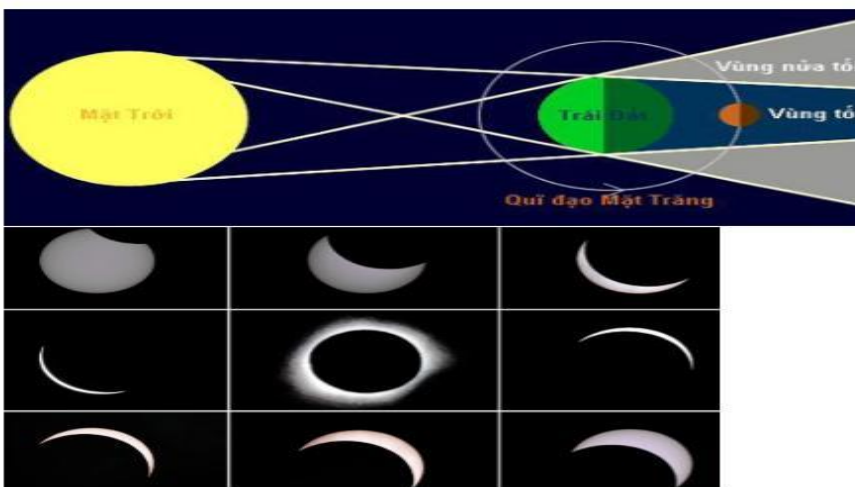
1. Hiện tượng nhật thực



Kết luận:

- Nhật thực là hiện tượng Mặt Trời ban ngày bị Mặt Trăng che khuất một phần hoặc gần như hoàn toàn.

2. Hiện tượng nguyệt thực



❖ **Kết luận:**

-Nguyệt thực là hiện tượng Mặt Trăng tròn ban đêm bị Trái Đất dần che khuất không được Mặt Trời chiếu sáng.

B. BÀI TẬP

Câu 1:

Vì sao khi đặt bàn tay ở dưới một ngọn đèn điện dây tóc thì bóng của bàn tay trên mặt bàn rõ nét, còn khi đặt dưới bóng đèn ống thì bóng của bàn tay lại nhòe?



Câu 2: Tại sao ở các phòng học, người ta thường dùng các bóng đèn dài, còn ở các phòng mổ người ta dùng một hệ thống gồm nhiều bóng đèn?



Bóng đèn dài trong phòng học



Hệ thống đèn tròn trong phòng mổ

★DẶN DÒ:

- Phần bài học chép vào vở phần A lý thuyết
- Phần bài tập nghiên cứu thêm SGK để làm bài tập phần B

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

- **1. Cô Oanh SĐT: 0374560523**
- **2. Cô Tâm SĐT: 0975.375.268**

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN

TỔ: SỬ - GDCD

MÔN: GDCD – KHỐI 7

Tuần 3: 20/9 – 24/9

Phần I: CÁC GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC

Chủ đề 1: Quan hệ với bản thân

Bài: Tự trọng (1 tiết)

A. LÝ THUYẾT

I. Tìm hiểu bài:

Truyện đọc: Sgk

II. Nội dung bài học:

1. Khái niệm: Tự trọng là biết coi trọng và biết giữ gìn phẩm cách, biết điều chỉnh hành vi của mình cho phù hợp với các chuẩn mực xã hội.

2. Biểu hiện:

Cư xử đàng hoàng, đúng mực, biết giữ lời hứa và luôn làm tròn nhiệm vụ.

3. ý nghĩa:

- Giúp ta có nghị lực vượt qua khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.
- Nâng cao phẩm giá, uy tín cá nhân
- Được sự quý trọng của mọi người.

Ca dao, tục ngữ:

- Chết vinh còn hơn sống nhục
- Chết đứng còn hơn sống quỳ
- Đói cho sạch rách cho thơm

B. BÀI TẬP: a, b, c sgk/11, 12

MỌI THẮC MẮC QUÝ PHHS VÀ HS LIÊN HỆ CÔ DUNG: 0976208153

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN
TỔ: SỬ - GDCD

MÔN LỊCH SỬ - KHỐI 7
(Từ ngày 20/9/2021 đến 25/9/2021)

A. LÝ THUYẾT:

TUẦN 3

Chủ đề 2: XÃ HỘI PHONG KIẾN PHƯƠNG ĐÔNG
Nội dung 1: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

1. Sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc:

(khuyến khích HS tự đọc thêm phần bảng niên biểu)

- TK III TCN, xã hội phong kiến hình thành
- Xã hội có 2 giai cấp: địa chủ, nông dân lĩnh canh
- Quan hệ sản xuất phong kiến hình thành.

2. Xã hội Trung Quốc thời Tần – Hán:

*** Thời Tần:**

- Chia đất nước thành các quận, huyện và trực tiếp cử quan lại cai trị.
- Thi hành chế độ cai trị rất hà khắc.

*** Thời Hán:** Xoá bỏ chế độ pháp luật hà khắc.

*** Thời Đường :**

- Tổ chức bộ máy nhà nước được củng cố, hoàn thiện hơn.
- Cử người thân tín đi cai quản các địa phương.
- Mở khoa thi tuyển chọn nhân tài.

*** Thời Tống – Nguyên :**

Thi hành nhiều biện pháp phân biệt đối xử giữa người Mông Cổ và người Hán

→ **Chính sách đối ngoại các triều đại Trung Quốc:** mở rộng lãnh thổ bằng các cuộc chiến tranh xâm lược

3. Tình hình kinh tế Trung Quốc qua các thời đại

*** Thời Tần:** Ban hành chế độ đo lường và tiền tệ thống nhất.

*** Thời Hán:**

- Giảm tô thuế, sưu dịch.
- Khuyến khích nông dân nhận ruộng cấy và khẩn hoang

*** Thời Đường :**

- Giảm thuế
- Thực hiện chế độ quân điền.
- Sản xuất phát triển, kinh tế phồn thịnh.

*** Thời Tống:** giảm tô thuế, sưu dịch

- Mở mang các công trình thuỷ lợi
- Khuyến khích sản xuất thủ công nghiệp phát triển.

*** Thời Minh - Thanh:**

- Công thương nghiệp phát triển
- Ngoại thương phát triển → mầm mống kinh tế TBCN xuất hiện

4. Văn hoá KHKT

- Tư tưởng: Nho giáo thành hệ tư tưởng và đạo đức của xã hội phong kiến.
- Văn học: thơ ca phát triển
- Sử học: bộ sử kí Tư Mã thiên, Hán thư, Đường thư..
- Nghệ thuật hội họa, kiến trúc điêu khắc đạt trình độ cao.
- Có nhiều phát minh quan trọng

B. BÀI TẬP VẬN DỤNG:

PHIẾU HỌC TẬP

Nội dung 4: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

CÂU 1:

Để ổn định đời sống của nhân dân, nhà Tống đã thi hành một số chính sách quan trọng. Hãy đánh dấu X vào ô trống đầu câu mà em cho là ĐÚNG:

☐	Xóa bỏ hoặc miễn giảm các loại thuế, sưu dịch nặng nề.
☐	Mở mang các công trình thủy lợi.
☐	Khai hoang mở rộng diện tích trồng trọt.
☐	Khuyến khích phát triển các nghề thủ công như khai mỏ, luyện kim, dệt tơ lụa.

CÂU 2:

Tại sao nhân dân Trung Quốc nhiều lần nổi dậy chống ách thống trị của Mông – Nguyên. Hãy viết tiếp vào các nguyên nhân sau đây:

a. Áp bức, bóc lột:

.....
.....
.....
.

b. Sự phân biệt đối xử:

.....
.....
.

c. Mâu thuẫn dân tộc :

.....
.....

CÂU 3: Thời Minh – Thanh nhiều nhân tố làm cho mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa dần xuất hiện ở Trung Quốc. Hãy đánh dấu X vào ô trống đầu câu mà em cho là đúng:

	Nông nghiệp phát triển kèm theo tô thuế nặng nề.
	Nhiều xưởng thủ công lớn có trình độ chuyên môn cao, thuê nhiều nhân công buôn bán với nước ngoài phát triển, hình thành nhiều thương cảng lớn.
	Đội ngũ những người làm thuê ngày càng đông đảo.
	Đưa quân đi xâm chiếm các nước, thôn tính đất đai.

CÂU 4: Nêu những thành tựu văn hóa của Trung Quốc thời phong kiến.

a. Tư tưởng:.....

.....
.

b. Văn học:

.....
.....
..

c. Sử học:

.....
.....
.

d. Khoa học - kĩ thuật:.....

.....
.....

C. DẶN DÒ:

- HỌC THUỘC NỘI DUNG 3
- TRẢ LỜI CÁC CÂU HỎI Ở SGK.

- ĐỌC TRƯỚC BÀI MỚI.

Mọi thắc mắc quý PHHS và học sinh vui lòng liên hệ:

Cô Phương: 0909748238

Thầy Phách: 0908787875

Cô Hằng: 0981678786

Thầy Chính: 0967293940

Trường THCS Phan Công Hớn

Tổ Sinh

SINH HỌC 7 – TUẦN 3

(từ 20/09/2021 đến 25/09/2021)

Tiết 5,6 : MỘT SỐ ĐỘNG VẬT NGUYÊN SINH (tt)

A/ Lý thuyết

4. Trùng kiết lị

- Lối sống: ký sinh ở

- Tác hại: trùng kiết lị làm loét niêm mạc ruột gây bệnh kiết lị

Bệnh nhân đau bụng, đi ngoài, phân có lẫn máu và chất nhầy → làm suy nhược cơ thể nhanh

- Biện pháp phòng tránh:

5. Trùng sốt rét

- Lối sống: ký sinh ở người, trong thành ruột và tuyến nước bọt của muỗi Anopheles

- Vòng đời (SGK)

- Tác hại: gây bệnh → làm suy nhược cơ thể nhanh, thiếu máu

- Biện pháp phòng tránh: giữ vệ sinh môi trường, ngủ màn,...

B/ Bài tập

1. Hãy cho biết điểm khác nhau giữa trùng roi và thực vật?

2. Vì sao bệnh sốt rét thường xảy ra ở miền núi? Nêu biện pháp phòng tránh bệnh sốt rét.

3. Trùng kiết lị có hại như thế nào đối với sức khỏe con người? Nêu biện pháp phòng bệnh kiết lị.

Mọi thắc mắc quý PH và HS liên hệ cô Tuyết (0967813166)

MÔN TIN HỌC - KHỐI 7

(Từ ngày 20/09/2021 đến ngày 25/09/2021)

CHƯƠNG 1: CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH

TIẾT 1 – BÀI 1:

CHƯƠNG TRÌNH BẢNG TÍNH LÀ GÌ?

1. Bảng và nhu cầu xử lý thông tin dạng bảng

- Chương trình bảng tính là phần mềm được thiết kế để giúp ghi lại và trình bày thông tin dưới dạng bảng, thực hiện các tính toán cũng như xây dựng các biểu đồ biểu diễn 1 cách trực quan các số liệu có trong bảng.

2. Màn hình làm việc của Excel

a) **Trang tính:** gồm các cột, các hàng là miền làm việc của bảng tính. Vùng giao nhau giữa cột và hàng gọi là ô tính.

+ **Địa chỉ của một ô tính:** là cặp tên cột và tên hàng mà ô nằm trên đó. Ví dụ: A1, B2, C10, D100, ...

b) **Thanh công thức:** dùng để nhập, hiển thị dữ liệu hoặc công thức trong ô tính.

c) **Các dải lệnh Formulas (Công thức) và Data (Dữ liệu):** gồm các lệnh dùng để thực hiện các phép tính với các số và xử lý dữ liệu.

Mọi thắc mắc PHHS và HS vui lòng liên hệ:

1. Cô Thủy: 0908962965 (zalo)
2. Cô Hà: 0908281062 (zalo)
3. Cô Ý: 0786771441 (zalo)

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HÓN
TỔ TOÁN

ĐẠI SỐ KHỐI 7

(Từ ngày 20/9/2021 đến ngày 25/09/2021)

Tiết 5: LUYỆN TẬP

Bài 1: Thực hiện các phép tính sau

1) $\frac{9}{10} + \frac{2}{5} - \frac{3}{4}$

Hướng dẫn:

$$\begin{aligned} & \frac{9}{10} + \frac{2}{5} - \frac{3}{4} \\ &= \frac{18}{20} + \frac{8}{20} - \frac{15}{20} \\ &= \frac{11}{20} \end{aligned}$$

2) $\frac{2}{3} + \frac{1}{4} - \frac{1}{2}$

3) $\frac{2}{3} : \frac{8}{9} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{15}$

Hướng dẫn:

$$\begin{aligned} & \frac{2}{3} : \frac{8}{9} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{15} \\ &= \frac{2}{3} \cdot \frac{9}{8} - \frac{5}{7} \cdot \frac{14}{15} \\ &= \frac{3}{4} - \frac{2}{3} \\ &= \frac{9}{12} - \frac{8}{12} \\ &= \frac{1}{12} \end{aligned}$$

4) $\frac{-13}{21} : \frac{13}{14} + \frac{5}{14} \cdot \frac{-7}{10}$

5) $0,25 - 1\frac{1}{2} + 70\%$

6) $\left(\frac{-3}{7} \cdot \frac{5}{3} \right) : \left| \frac{2}{49} \right|$

$$7) \frac{2}{5} : \left| \frac{-3}{4} \right| \cdot \frac{1}{5}$$

$$8) \left(\frac{-2}{3} + \frac{3}{7} \right) : \frac{4}{5} + \left(\frac{-1}{3} + \frac{4}{7} \right) : \frac{4}{5}$$

Hướng dẫn:

$$\left(\frac{-2}{3} + \frac{3}{7} \right) : \frac{4}{5} + \left(\frac{-1}{3} + \frac{4}{7} \right) : \frac{4}{5}$$

$$= \left(\frac{-2}{3} + \frac{3}{7} \right) \cdot \frac{5}{4} + \left(\frac{-1}{3} + \frac{4}{7} \right) \cdot \frac{5}{4}$$

$$= \left(\frac{-2}{3} + \frac{3}{7} + \frac{-1}{3} + \frac{4}{7} \right) \cdot \frac{5}{4}$$

$$= \left[\left(\frac{-2}{3} + \frac{-1}{3} \right) + \left(\frac{3}{7} + \frac{4}{7} \right) \right] \cdot \frac{5}{4}$$

$$= (-1 + 1) \cdot \frac{5}{4}$$

$$= 0 \cdot \frac{5}{4}$$

$$= 0$$

Bài 2: Tìm x, biết:

$$1) \frac{3}{4} + x = \frac{1}{3}$$

$$2) 0,7 - x = \frac{4}{15}$$

$$3) \frac{5}{6} + \frac{2}{7}x = \frac{4}{21}$$

$$4) x - \frac{3}{5} = \frac{2}{3}$$

$$5) \left(x - \frac{5}{12} \right) : 2\frac{2}{3} = \frac{-9}{16}$$

$$6) |x| = \frac{3}{4}$$

Hướng dẫn:

$$|x| = \frac{3}{4}$$

$$x = \frac{3}{4} \text{ hay } x = \frac{-3}{4}$$

$$7) |x| = 0$$

$$8) |x| = \frac{11}{20}$$

$$9) |x| - \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$$

Hướng dẫn:

$$|x| - \frac{1}{2} = \frac{3}{4}$$

$$|x| = \frac{3}{4} + \frac{1}{2}$$

$$|x| = \frac{5}{4}$$

$$x = \frac{5}{4} \text{ hay } x = \frac{-5}{4}$$

$$10) \left| x - \frac{1}{2} \right| = \frac{5}{4}$$

Hướng dẫn:

$$\left| x - \frac{1}{2} \right| = \frac{5}{4}$$

$$x - \frac{1}{2} = \frac{5}{4} \text{ hay } x - \frac{1}{2} = \frac{-5}{4}$$

$$x = \frac{5}{4} + \frac{1}{2} \text{ hay } x = \frac{-5}{4} + \frac{1}{2}$$

$$x = \frac{7}{4} \text{ hay } x = \frac{-3}{4}$$

$$11) \left| x + \frac{2}{3} \right| = \frac{4}{5}$$

Tiết 6: Lũy thừa của một số hữu tỉ

1. Lũy thừa với số mũ tự nhiên

Lũy thừa bậc n của một số hữu tỉ x , kí hiệu x^n , là tích của n thừa số x (n là một số tự nhiên lớn hơn 1).

$$x^n = \underbrace{x.x.x\dots x}_{n \text{ thừa số}} \quad (x \in \mathbf{Q}, n \in \mathbf{N}, n > 1)$$

x^n đọc là x mũ n hoặc x lũy thừa n hoặc lũy thừa bậc n của x ; x gọi là cơ số, n gọi là số mũ.

Quy ước :

$$x^1 = x$$

$$x^0 = 1 \quad (x \neq 0).$$

• Khi viết số hữu tỉ x dưới dạng $\frac{a}{b}$ ($a, b \in \mathbf{Z}, b \neq 0$) ta có :

$$\left(\frac{a}{b}\right)^n = \underbrace{\frac{a}{b} \cdot \frac{a}{b} \dots \frac{a}{b}}_{n \text{ thừa số}} = \frac{\overbrace{a.a\dots a}^{n \text{ thừa số}}}{\underbrace{b.b\dots b}_{n \text{ thừa số}}} = \frac{a^n}{b^n}.$$

Vậy :

$$\boxed{\left(\frac{a}{b}\right)^n = \frac{a^n}{b^n}}$$

Ví dụ: Tính

$$\text{a) } \left(\frac{-3}{4}\right)^2 = \frac{(-3)^2}{4^2} = \frac{9}{16}$$

$$\text{b) } (-0,5)^2 = (-0,5).(-0,5) = 0,25$$

$$\text{c) } 2021^0 = 1$$

2. Tích và thương của hai lũy thừa cùng cơ số

Với số tự nhiên a , ta đã biết :

$$a^m \cdot a^n = a^{m+n}$$

$$a^m : a^n = a^{m-n} \quad (a \neq 0, m \geq n).$$

Cũng vậy, đối với số hữu tỉ x , ta có các công thức :

$$x^m \cdot x^n = x^{m+n}$$

(Khi nhân hai lũy thừa cùng cơ số, ta giữ nguyên cơ số và cộng hai số mũ).

$$x^m : x^n = x^{m-n} \quad (x \neq 0, m \geq n)$$

(Khi chia hai lũy thừa cùng cơ số khác 0, ta giữ nguyên cơ số và lấy số mũ của lũy thừa bị chia trừ đi số mũ của lũy thừa chia).

Ví dụ: Viết các biểu thức sau dưới dạng lũy thừa

a) $(-3)^2 \cdot (-3)^3 = (-3)^{2+3} = (-3)^5$

b) $(-0,25)^5 : (-0,25)^3 = (-0,25)^{5-3} = (-0,25)^2$

c) $x^4 \cdot x^5 = x^9$

d) $x \cdot x^5 = x^6$

e) $x^{10} : x^5 = x^5$

f) $x^5 : x = x^4$

3. Lũy thừa của lũy thừa

$$(x^m)^n = x^{m \cdot n}$$

(Khi tính lũy thừa của một lũy thừa, ta giữ nguyên cơ số và nhân hai số mũ)

Ví dụ: Điền số thích hợp vào ô vuông

a) $(2^3)^2 = 2^{\square}$

b) $\left[\left(\frac{-3}{4} \right)^3 \right]^4 = \left(\frac{-3}{4} \right)^{\square}$

c) $\left[(0,1)^4 \right]^{\square} = (0,1)^8$

HÌNH HỌC KHỐI 7

(Từ ngày 20/09/2021 đến ngày 25/09/2021)

Tiết 5 - Bài 3: CÁC GÓC TẠO BỞI MỘT ĐƯỜNG THẲNG CẮT HAI ĐƯỜNG THẲNG

1. Góc so le trong. Góc đồng vị. Góc trong cùng phía

+) Các cặp góc so le trong là:

A_1 và B_3 ; A_4 và B_2

+) Các cặp góc đồng vị là:

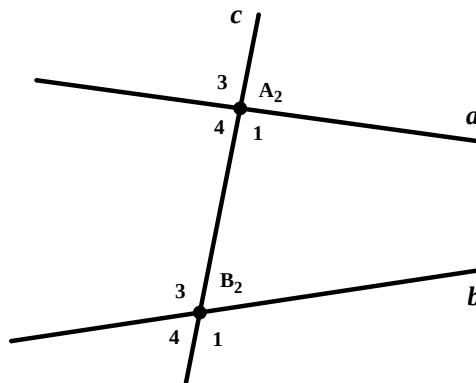
A_1 và B_1 ; A_3 và B_3 ;

A_2 và B_2 ; A_4 và B_4

+) Các cặp góc trong cùng phía là:

A_1 và B_2 ;

A_4 và B_3 ;



Ví dụ: Cho các hình vẽ sau. Hãy xác định các cặp góc so le trong, đồng vị, trong cùng phía.

a)

+) Các cặp góc so le trong là:

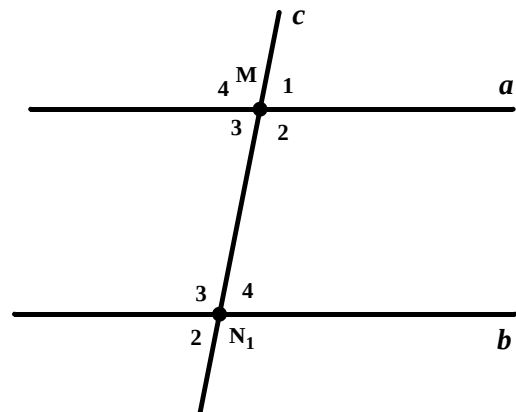
.....
.....

+) Các cặp góc đồng vị là:

.....
.....

+) Các cặp góc trong cùng phía là:

.....
.....



Hình 1

b)

+) Các cặp góc so le trong là:

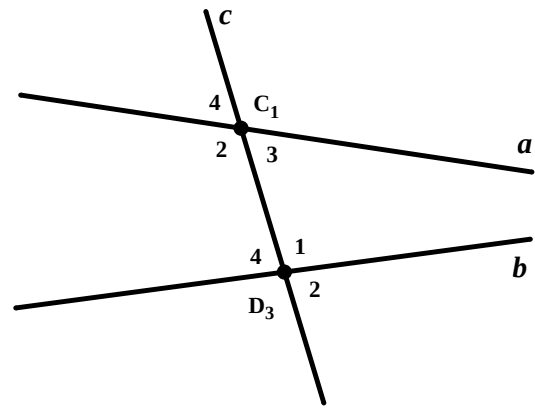
.....
.....

+) Các cặp góc đồng vị là:

.....
.....

+) Các cặp góc trong cùng phía là:

.....
.....



Hình 2

2. Tính chất

Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau thì

+) Hai góc so le trong còn lại bằng nhau

+) Hai góc đồng vị bằng nhau

+) Hai góc trong cùng phía bù nhau (nghĩa là 2 góc có tổng bằng 180°)

Ví dụ:

Ta có: A_1 và B_2 ở vị trí so le trong.

Mà $A_1 = B_2 = 60^\circ$

Nên $A_4 = B_1$ (vì hai góc so le trong)

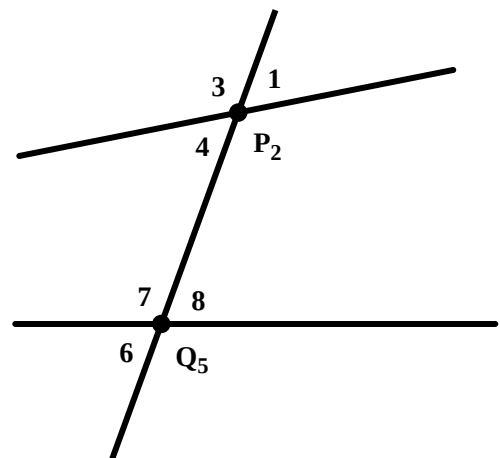
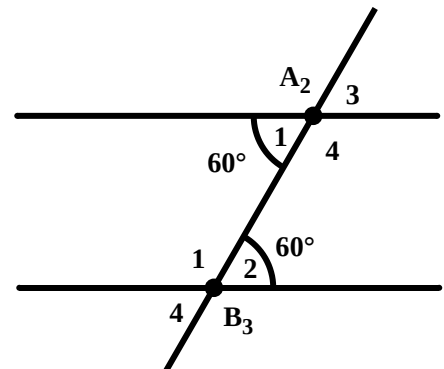
$A_2 = B_1$ (vì hai góc đồng vị)

$A_1 + B_1 = 180^\circ$ (vì hai góc trong cùng
phía)

Bài tập: Cho hình vẽ sau:

a) Hãy chỉ ra các cặp đối đỉnh, so le trong, đồng vị, trong cùng phía và 2 cặp góc kề bù.

b) Cho $Q_8 = 70^\circ$. Tính Q_6 ; Q_7 .



Tiết 6: HAI ĐƯỜNG THẲNG SONG SONG

1. Nhắc lại kiến thức lớp 6

- + Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng không có điểm chung.
- + Hai đường thẳng phân biệt thì hoặc cắt nhau hoặc song song.

2. Dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song

Nếu đường thẳng c cắt hai đường thẳng a, b và trong các góc tạo thành có một cặp góc so le trong bằng nhau (hoặc 1 cặp góc đồng vị bằng nhau) thì a và b song song với nhau.

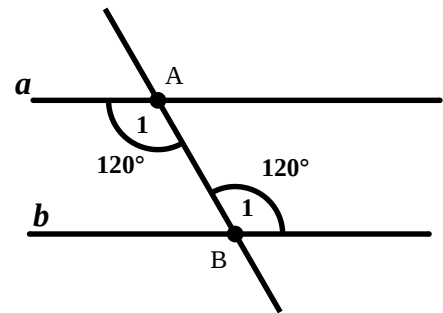
Ví dụ 1: Cho hình vẽ. Chứng tỏ $a \parallel b$.

Giải:

Ta có: $A_1 = B_1 = 120^\circ$

Mà hai góc này ở vị trí so le trong.

Nên $a \parallel b$.



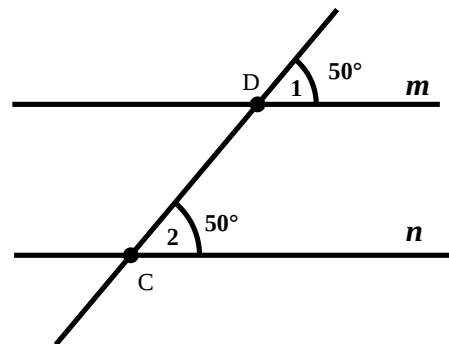
Ví dụ 2: Cho hình vẽ. Chứng tỏ $m \parallel n$.

Giải:

Ta có: $D_1 = C_2 = 50^\circ$

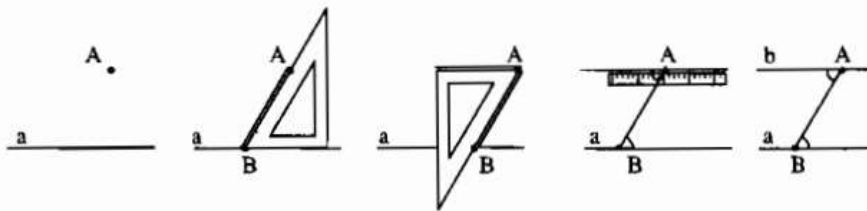
Mà hai góc này ở vị trí đồng vị.

Nên $m \parallel n$.

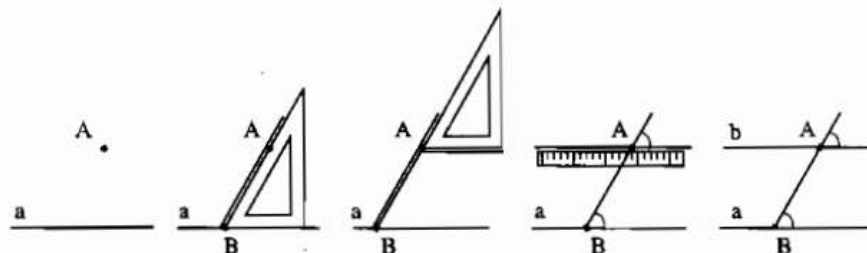


3. Vẽ hai đường thẳng song song

Một số cách vẽ được minh họa ở hình 18, 19.



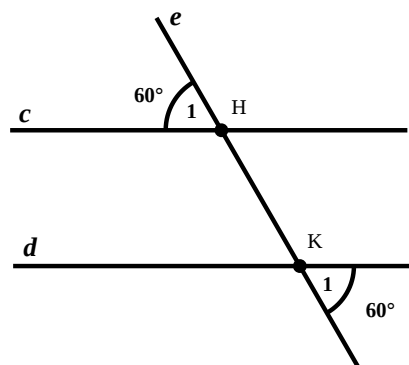
Hình 18. Dùng góc nhọn 60° của êke để vẽ hai góc so le trong bằng nhau.



Hình 19. Dùng góc nhọn 60° của êke để vẽ hai góc đồng vị bằng nhau.

Bài tập

Cho hình vẽ sau. Chứng tỏ $c \parallel d$.



Mọi thắc mắc quý phụ huynh liên hệ :

Cô TRẦN THỊ MỸ LINH theo số điện thoại 0918465193

TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN

TỔ TIẾNG ANH

TIẾNG ANH 7 (từ 20/9 đến 25/9)

UNIT 2 (cont.): PERSONAL INFORMATION

PART A (cont.): A3+A4+A5

A. VOCABULARY

- | | |
|------------------------|-----------------------|
| 1. excuse me (exp) | : xin lỗi |
| 2. to call (v) | : gọi, gọi điện thoại |
| 3. soon (adv) | : chẳng bao lâu |
| 4. free (a) | : rảnh rỗi |
| 5. tomorrow (n) | : ngày mai |
| 6. sure (a) | : chắc chắn |
| 7. to see a movie | : xem phim |
| 8. to start = to begin | : bắt đầu |
| 9. to complete (v) | : hoàn thành |
| 10. list (n) | : danh sách |
| 11. sorry (a) | : xin lỗi |
| 12. out (adv) | : ở ngoài, ra ngoài |
| 13. moment (n) | : chốc lát, lúc |
| → at the moment | : lúc này |
| 14. all right (exp) | : được thôi |
| 15. to tell (v) | : kể, nói |
| 16. party (n) | : buổi tiệc |
| 17. cake (n) | : bánh ngọt |
| 18. sweet (n) | : kẹo |
| 19. late (a) | : trễ |
| → be late for | |
| 20. early (a) | : sớm |
| 21. great (a) | : rất tốt, tuyệt vời |

I. THE SIMPLE FUTURE TENSE: THÌ TƯƠNG LAI ĐƠN

Câu xác định	S + will + V _{nguyên mẫu}	Ex: he will come here.
Câu phủ định	S + won't + V _{nguyên mẫu}	Ex: He will not come here.
Câu nghi vấn	Will + S + V _{nguyên mẫu} ... ?	Ex: Will he come here?

✿ **Trạng từ nhân biết:** tomorrow (ngày mai), tonight (tối nay), next, (kế, tới) soon (chẳng bao lâu), in + năm trong tương lai, some day (ngày nào đó), ...

✿ **Cách dùng:** diễn tả hành động sẽ xảy ra trong tương lai không dự định trước. (ex: She will come here tomorrow.)

NOTE:

I'll = I will

He'll = He will

Won't = will not

II. STRUCTURES

A. NHỮNG CẤU TRÚC CÓ : “TO-INFINITIVE”

- * Would you like + to-infinitive
- * S + would like + to-infinitive
- * S + want / need + to-infinitive

B. NHỮNG CẤU TRÚC CÓ : “Bare INFINITIVE”

- * Let's + bare infinitive (verb)
- * Why don't you / we + bare infinitive ?
- * Be going to + bare infinitive
- * S + can /must + bare infinitive
- * Don't + bare infinitive

C. NHỮNG CẤU TRÚC CÓ : “V-ING”

- * What about / How about + V-ing
- * preposition (on, at, to, for, of) + V-ing
- * go sailing
- * go fishing
- * go walking
- * go swimming
- * go jogging
- * go shopping
- * go camping

UNIT 2 (cont.): PERSONAL INFORMATION

PART B: My Birthday (B1+B2+B3)

A. VOCABULARY

1. day (n): ngày
→ date (n): ngày tháng
→ There are **seven days** in a week
 - Monday : Thứ 2
 - Tuesday : Thứ 3
 - Wednesday : Thứ 4
 - Thursday : Thứ 5
 - Friday : Thứ 6
 - Saturday : Thứ 7
 - Sunday : Chủ nhật
2. month (n): tháng
→ There are **twelve months** in a year
 - January : tháng giêng/ tháng 1

- February	: tháng 2
- March	: tháng 3
- April	: tháng 4
- May	: tháng 5
- June	: tháng 6
- July	: tháng 7
- August	: tháng 8
- September	: tháng 9
- October	: tháng 10
- November	: tháng 11
- December	: tháng 12

1 st	first	11 th	eleventh	21 st	twenty-first	31 st	thirty-first
2 nd	second	12 th	twelfth	22 nd	twenty-second		
3 rd	third	13 th	thirteenth	23 rd	twenty-third		
4 th	fourth	14 th	fourteenth	24 th	twenty-fourth		
5 th	fifth	15 th	fifteenth	25 th	twenty-fifth		
6 th	sixth	16 th	sixteenth	26 th	twenty-sixth		
7 th	seventh	17 th	seventeenth	27 th	twenty-seventh		
8 th	eighth	18 th	eighteenth	28 th	twenty-eighth		
9 th	ninth	19 th	nineteenth	29 th	twenty-ninth		
10 th	tenth	20 th	twentieth	30 th	thirtieth		

EXERCISES

I. Choose the suitable word or phrase (A, B, C or D) for each blank.

- Miss Mai says she call you some time. (going to/ will/ shall/ will not)
- When you need me, I to help you. (will come/ am go to come/ come/ want to come)
- Phuong and Thanh 13 next month. (shall be/ are going to be/ are/ will be)
- 8320795 my telephone number. (are/ is/ will be/ shall be)
- Where will we meet, Mai? We will meet school. (on the/ at/ into the/ at the)
- Where will we meet? We'll meet the cinema. (in front / next / on / in front of)
- Will you be free tomorrow evening? (Yes, I am / Yes, I do / Yes, I will / Yes, I can)
- She doesn't have friends. (a lot of/ some / any / a few)
- He's playing football..... the moment. (in/ on / at / from)
- It's very kind you to help me. (of/ from / in / on)
- She at home now. (will be / is being / is / can be)
- is your telephone number? (What/ Where/ When/ How)
- Tomorrow Sunday. We'll go on a picnic. (is/ are/ will/ will is)
- You will haveof friends soon. (many/ a lot/ lot/ much)
- Would you like a movie? (see/ seeing/ to see/ sees)

II. Rearrange the words in the correct orders of a complete sentence.

- the / will/ We/ movie theater./ meet/ in front of →.....

2. movie?/ Would/ like/ a/ to see/ you →
3. six/ She/ back/ o'clock./ will be/ at →
4. will/ tomorrow./ I/ you/ see →
5. speak/ Can/ to/ I/ Mai,/ please. →

III. Supply the correct forms of the words in brackets.

1. I don't have any friends. I won't be (unhappy)
2. This house isthan that one. (good)
3. Minh lives with uncle and aunt in Hanoi. (he)
4. He..... to the museum tomorrow. (go)
5. Look! The boys soccer in the school yard.(play)

IV. Rewrite the following sentences, beginning with the words given.

1. Would you like to see a movie?
→ Let's
2. Do you want a cup of tea?
→ Would?
3. What is her address?
→ Where?
4. Where does Lan live?
→ What?
5. Let's go to the zoo this weekend.
→ Would?
6. Where does he live?
→ What.....?
7. Where does your sister live?
→ What?
8. What is Mr Nam's address?
→ Where?

MỌI THẮC MẮC PHỤ HUYNH LIÊN HỆ CÔ TRANG –SĐT : 0774958155